

Bản án số: 57/2024/DS-ST
Ngày 31-7-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng cầm cố

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Đông.

2. Bà Lâm Thị Loan Em.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Ni - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2024, về Tranh chấp hợp đồng cầm cố theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2024/QĐXX-DS ngày 26 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần S Có Ngay.

Trụ sở chính: Số A đường N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: KANOKWATPAISAL NAPAT – Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Lam T, sinh năm 1997; Địa chỉ: Số D đường L, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, là đại diện ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 447/2024/UQ-SVN ngày 01/02/2024 (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Thái Văn B, sinh ngày 01/01/1978; Địa chỉ: ấp A, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 17/4/2024, nguyên đơn Công ty cổ phần S Có Ngay trình bày: Vào ngày 04/7/2023, ông Thái Văn B có cầm cố tài sản với Chi nhánh T1 - Công ty S1. Cụ thể theo hợp đồng cầm cố số: TRM230701002NA21X được ký giữa

các bên ngày 04/7/2023, tài sản cầm cố 01 xe mô tô hai bánh biển kiểm soát 83T1-045.38, loại xe Honda Air Blade; số khung RLHJF6338MZ601704, số máy JF94E0227636; Số Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 000207 do Công an xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 29/5/2023. Để lấy số tiền là 20.900.000 đồng (hai mươi triệu chín trăm nghìn đồng); thời hạn cầm cố là 12 tháng, giải ngân ngày 04/7/2023 với mức lãi suất là 1,1%/tháng, lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Theo hợp đồng cầm cố đã ký thì công ty đã giải ngân cho ông Thái Văn B số tiền 20.900.000 đồng. Để đảm bảo cho hợp đồng cầm cố, khách hàng đã thế chấp tài sản là xe xe mô tô hai bánh biển kiểm soát 83T1-045.38 và Công ty đã đăng ký Giao dịch đảm bảo trên Hệ thống Đăng ký Trực tuyến của Cục Đ1, số đăng ký giao dịch: 1514598609 tại trang web <https://dktructuyen.moj.gov.vn/>.

Do nhu cầu cần có xe đi lại hàng ngày, ông Thái Văn B có đơn mượn lại xe nên Công ty có ký giấy cho ông Thái Văn B mượn lại xe sử dụng thời hạn từ ngày 04/7/2023 đến 04/8/2023. Ông Thái Văn B có cam kết rõ ràng trong giấy mượn xe: "Hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận". Quá trình trả nợ, ông Thái Văn B chỉ thanh toán được 2.347.000 đồng là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ cam kết và đã hết thời gian mượn xe không bàn giao lại tài sản. Công ty đã nhiều lần làm việc và gửi thông báo nhắc nhở tạo điều kiện cho ông Thái Văn B thu xếp trả nợ nhưng ông B không thực hiện.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 27/6/2024, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty cổ phần S Có Ngay là ông Nguyễn Lam T chỉ yêu cầu bị đơn ông Thái Văn B thanh toán số tiền vốn gốc 19.307.000 đồng và lãi trong hạn từ ngày 04/9/2023. Các yêu cầu khác tại đơn khởi kiện nguyên đơn xin rút lại toàn bộ. Sau khi ông B thanh toán xong nợ nguyên đơn xe giao trả giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy.

- Bị đơn ông Thái Văn B đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng đương sự vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gửi đến Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký, nguyên đơn và người đại diện đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn ông Thái Văn B trả cho nguyên đơn Công ty S Có Ngay số tiền nợ gốc là 19.306.332 đồng và lãi tính từ ngày bị đơn vi phạm 04/9/2023 đến ngày xét xử theo lãi suất thỏa thuận 1,1%/tháng. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu xử lý tài sản cầm cố và các yêu cầu về khoản phí quản lý hồ sơ 538.169 đồng, phí mượn xe 5.016.000 đồng, phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán 1.544.507 đồng, phí tất toán hợp đồng trước thời hạn 1.351.443 đồng và chi phí tố tụng 2.102.847 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn Công ty S Có Ngay (gọi tắt Công ty) yêu cầu ông Thái Văn B trả số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng cầm cố tài sản nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết là tranh chấp hợp đồng dân sự. Bị đơn ông Thái Văn B có nơi cư trú tại ấp A, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nhưng sau đó ông B thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng mà không thông báo cho Công ty biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị thụ lý, xét xử sơ thẩm theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017 ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Đương sự đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng đến phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai, bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Quá trình giải quyết người đại diện của nguyên đơn có đơn yêu cầu thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về việc chỉ yêu cầu bị đơn ông Thái Văn B phải thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Công ty với số tiền nợ gốc và tiền lãi trong hạn tính từ ngày 04/9/2023 và xin rút lại toàn bộ các yêu cầu khác tại đơn khởi kiện. Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện là tự nguyện và việc thay đổi không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, Hội đồng xét xử chấp nhận theo khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự và đình chỉ giải quyết đối với những yêu cầu đã rút trên của nguyên đơn.

[3] Về nội dung: Công ty yêu cầu ông Thái Văn B trả số tiền vốn gốc 19.306.332 đồng. Chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, Công ty cung cấp bản sao có chứng thực đúng bản chính: Phiếu đăng ký cầm cố xe máy ngày 04/7/2023, tên người cầm cố Thái Văn B; Hợp đồng cầm cố số TRM230701002NA21X ngày 04/7/2023 và phụ lục hợp đồng đề ngày 04/7/2023; Giấy mượn xe tên Thái Văn B, đề ngày 04/7/2023; Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 000207, tên chủ xe Thái Văn B, cấp ngày 29/5/2023. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông B nhưng ông không có ý kiến phản đối gì. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử công nhận giữa Công ty TNHH S1 và ông Thái Văn B có giao kết hợp đồng nêu trên. Việc giao kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung của hợp đồng tại thời điểm xác lập không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay bị ép buộc nên đây là hợp đồng hợp pháp phù hợp với quy định với Điều 309 Bộ luật dân sự năm 2015. Trong quá trình thực hiện hợp đồng

ông B chỉ thanh toán được 2.347.000 đồng là chưa thực hiện đúng giao kết trong hợp đồng cầm cố, đã vi phạm Điều 4 của Hợp đồng cầm cố tài sản và Điều 4 của phụ lục hợp đồng nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty, buộc ông B phải trả cho Công ty số tiền vay gốc còn nợ 19.306.332 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 280, Điều 309, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

[4] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại hợp đồng cầm cố tài sản số TRM230701002NA21X được ký giữa các bên ngày 04/7/2023 đã giao kết mức lãi suất là 1,1%/tháng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn là phù hợp theo quy định tại khoản 6 Điều 29 Nghị định 96/2016/NĐ-CP/01/7/2016 của Chính phủ, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Vì vậy, Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi mức lãi suất 1,1%/tháng tính từ ngày 04/9/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Lãi được tính như sau $19.306.332 \text{ đồng} \times 1,1\%/\text{tháng} \times 10 \text{ tháng} 27 \text{ ngày}$ (từ ngày 04/9/2023 đến ngày 31/7/2024) = 2.314.828 đồng. Hội đồng xét xử buộc ông Thái Văn B có nghĩa vụ trả lãi cho nguyên đơn số tiền 2.314.828 đồng.

[5] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277, Điều 309, Điều 310, Điều 314, Điều 316, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần S Có Ngay.

- Buộc bị đơn ông Thái Văn B có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn Công ty cổ phần S Có Ngay số tiền 21.621.160 đồng (hai mươi một triệu, sáu trăm hai mươi một nghìn, một trăm sáu mươi đồng), gồm nợ gốc là 19.306.332 đồng và lãi tính đến ngày 31/7/2024 là 2.314.828 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

- Ngay sau khi ông Thái Văn B thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, buộc Công ty cổ phần S có trách nhiệm trả lại cho ông Thái Văn Bình b gốc giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 000207 do Công an xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 29/5/2023 và xóa đăng ký giao dịch bảo đảm đối với ông Thái Văn B trên hệ thống trực tuyến của cục Đ1.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện do nguyên đơn đã rút đối với yêu cầu xử lý tài sản cầm cố, yêu cầu các khoản phí, phí theo dõi.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Thái Văn B phải chịu 1.081.058 đồng (một triệu, không trăm tám mươi một nghìn, không trăm năm mươi tám đồng). Nguyên đơn Công ty cổ phần S Có Ngay không phải chịu án phí và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 835.459 đồng (tám trăm ba mươi lăm nghìn bốn trăm năm mươi chín đồng) theo biên lai thu số 0003908, ngày 09/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- CCTHADS huyện Thạnh Trị;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Mai